

Họ và tên:.....

Lớp:.....

**ĐỀ KIỂM TRA CHƯƠNG 1- GIẢI TÍCH -LỚP 12**

**Thời gian: .... Phút**

**Đề 1**

**Câu 1:** Hàm số  $y = x^3 - 3x + 1$  giảm trên khoảng nào:

- a. (0,2)      b.(-2,0)      c.  $(-\infty,-1), (1,+\infty)$       d. Tất cả đều sai

**Câu 2:** Với giá trị nào của m thì hàm số  $y = -x^3 + (m+1)x^2 - 2m + 1$  đạt cực đại tại  $x = 2$

- a.  $m=0$       b.  $m = 1$       c.  $m=2$       d.  $m = 3$

**Câu 3:** Với giá trị nào của m thì đường thẳng  $y = x + m$  cắt đồ thị hàm số  $y = \frac{2x-1}{x-1}$  tại 2 điểm phân biệt

- a.  $m > 1$       b.  $m \leq 3$       c.  $0 < m < 1$       d. Với mọi m

**Câu 4:** Hàm số  $y = x^4 + x^2 + 1$  có bao nhiêu cực trị

- a. 0      b. 1      c. 2      d. 3

**Câu 5:** Hiệu số giữa giá trị cực đại và giá trị cực tiểu của hàm số

$y = x^3 - 3x^2 + 1$  là:

- a. 2      b. 4      c. 6      d. 8

**Câu 6:** Qua điểm  $A(\frac{4}{9}; \frac{4}{3})$  kẻ được mấy tiếp tuyến đến đồ thị hàm số  $y = \frac{1}{3}x^3 - 2x^2 + 3x$

- a. 3                      b. 2                      c. 1                      d. 0

**Câu 7:** Tiếp tuyến của đồ thị hàm số  $y = x^3 - 3x + 2$  tại  $A(0;2)$  có dạng:

- a.  $y = -3x + 2$       b.  $y = -3x$               c.  $y = 3x - 2$               d.  $y = -3x - 2$

**Câu 8:** Phương trình :  $x^3 - 3x + 2 = m$  có 3 nghiệm phân biệt khi:

- a.  $m > 0$               b.  $m < 4$               c.  $0 < m < 4$               d.  $m > 0$  hoặc  $m > 4$

**Câu 9:** Đồ thị hàm số  $y = \frac{x^2 - 5x + 6}{x^2 - 4}$  có tiệm cận đứng là:

- a.  $x = 2$               b.  $x = -2$               c.  $x = 2$  và  $x = -2$               d.  $x = 1$

**Câu 10:** Hàm số  $y = x^3 - 3x + 1$  đạt cực đại tại

- a.  $x = -1$               b.  $x = 0$               c.  $x = 1$               d.  $x = 2$

**Câu 11:** Hàm số  $y = \frac{x-2}{x-1}$  (C). Phương trình tiếp tuyến của (C) tại điểm có tung độ bằng 2 là:

- a.  $y = -x + 1$       b.  $y = -x + 2$               c.  $y = x + 2$               d.  $y = x + 1$

**Câu 12:**  $y = f(x) = \frac{x^2 - 4x + 1}{x - 1}$ .  $f'(-2)$  bằng. ?

- a.  $\frac{10}{7}$                       b.  $\frac{11}{9}$                       c.  $\frac{1}{3}$                       d. 5

**Câu 13:** Tìm m để phương trình  $x^3 - 6x^2 + m = 0$  có 3 nghiệm phân biệt

- a.  $0 < m < 20$       b.  $-3 < m < 32$       c.  $0 < m < 32$       d.  $-4 < m < 0$

**Câu 14:** GTNN của hàm số  $y = 2x^3 + 3x^2 - 12x + 1$  trên  $[-1;5]$

- a. -5                      b. -6                      c. -4                      d. -3

**Câu 15:** Tiệm cận ngang của hàm số  $y = \frac{3x+4}{2-x}$  là:

- a.  $y = 2$                       b.  $y = 3$                       c.  $x = -3$                       d.  $y = -3$

**Câu 16:** Cho hàm số  $y = x^3 - 3x^2 + mx + 1$ . Tìm m để hàm số có cực đại và cực tiểu:

- a.  $m < 2$                       b.  $m > 3$                       c.  $m < 3$                       d.  $m > 2$

**Câu 17:** Đồ thị hàm số  $y = \frac{2x+1}{x-1}$  có tâm đối xứng có tọa độ là:

- a. (2 ;1)                      b. (1 ; 2)                      c. (1 ; -2)                      d. (2 ; -1)

**Câu 18:** Tìm m để hàm số  $y = x^3 + 3x^2 + mx + m$  luôn đồng biến?

- a.  $m < 3$                       b.  $m = 3$                       c.  $m < -2$                       d.  $m \geq 3$

**Câu 19:** Cho hàm số  $y = \frac{x+3}{2x-1}$ . Chọn phát biểu sai.

a. Hàm số không xác định tại  $x = \frac{1}{2}$

b. Hàm số luôn nghịch biến

c. Đồ thị hàm số có tiệm cận đứng  $y = \frac{1}{2}$

d. Đồ thị hàm số giao trục hoành tại điểm có hoành độ  $x = -3$

**Câu 20:** Cho hàm số  $y = \frac{2x+3}{x+2}$  (C) và đường thẳng d:  $y = x + m$ . Với giá trị nào của m thì (d) cắt (C) tạo 2 điểm phân biệt

a.  $m < 2$

b.  $m > 6$

c.  $2 < m < 6$

d.  $m < 2$  hay  $m > 6$